

Sổ tay sản phẩm

Công ty TNHH Điện cơ Veleno Quảng Châu

Số 23, đường Lijun, quận Panyu, thành phố
Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông

Công ty TNHH Cơ Điện Hạo Năng

Hạo Năng Động Lực



GIỚI THIỆU CÔNG TY

CƠ SỞ SẢN XUẤT CỦA TẬP ĐOÀN CHÚNG TÔI — CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN VIỄN NĂNG QUẢNG CHÂU, ĐƯỢC THÀNH LẬP VÀO NĂM 2005, LÀ MỘT DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO CẤP QUỐC GIA TÍCH HỢP NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN, THIẾT KẾ, SẢN XUẤT, BÁN HÀNG VÀ DỊCH VỤ SAU BÁN. LÀ NGƯỜI DẪN ĐẦU TRONG NGÀNH MÁY PHÁT ĐIỆN TRONG NƯỚC, TẬP ĐOÀN LÀ DOANH NGHIỆP CƠ ĐIỆN ĐẦU TIÊN ĐƯỢC CHỌN VÀO DANH SÁCH "500 THƯƠNG HIỆU GIÁ TRỊ NHẤT TRUNG QUỐC", SỞ HỮU HƠN 100 BẰNG SÁNG CHẾ CÔNG NGHỆ, BAO GỒM CẢ BẰNG SÁNG CHẾ PHÁT MINH.

HÀ NĂNG ĐỘNG LỰC, LÀ TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI VÀ THƯƠNG MẠI NƯỚC NGOÀI TOÀN CẦU THUỘC TẬP ĐOÀN VI NĂNG, DỰA VÀO CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN VI NĂNG QUẢNG CHÂU, SỞ HỮU NĂNG LỰC SẢN XUẤT QUY MÔ VỚI GIÁ TRỊ SẢN XUẤT HÀNG NĂM VƯỢT QUÁ MỘT TỶ. CƠ SỞ VI NĂNG ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG TOÀN DIỆN ISO9001, ISO14001, ISO45001, 22 DÒNG SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY ĐÃ ĐƯỢC TRAO DANH HIỆU "SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO TỈNH QUẢNG ĐÔNG" VÀ ĐẠT ĐƯỢC NHIỀU CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ UY TÍN NHƯ CE CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU, TUV VÀ CCC.

DỰA TRÊN NỀN TẢNG SẢN XUẤT MẠNH MẼ CỦA TẬP ĐOÀN, HÀ NĂNG ĐỘNG LỰC CUNG CẤP CHO KHÁCH HÀNG TOÀN CẦU CÁC GIẢI PHÁP MÁY PHÁT ĐIỆN BAO GỒM TẤT CẢ CÁC THƯƠNG HIỆU NHƯ CATERPILLAR, CUMMINS, PERKINS, VOLVO, DEUTZ, MITSUBISHI, KUBOTA, WEICHAI, YUCHAI. CHÚNG TÔI KHÔNG CHỈ LÀ NHÀ CUNG CẤP THIẾT BỊ, MÀ CÒN LÀ NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐIỆN TOÀN DIỆN TÍCH HỢP TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT KẾ HỆ THỐNG, LOGISTICS TOÀN CẦU VÀ DỊCH VỤ MỘT CỬA SAU BÁN HÀNG.



TRIẾT LÝ KINH DOANH

HÀ NĂNG ĐỘNG LỰC TUÂN THỦ TRIẾT LÝ KINH DOANH CHUYÊN NGHIỆP VÀ ĐỐI XỬ VỚI MỌI NGƯỜI BẰNG SỰ TRUNG THỰC, CUNG CẤP CHO KHÁCH HÀNG GIẢI PHÁP TỔNG THỂ CHẤT LƯỢNG CAO VỀ MÁY PHÁT ĐIỆN DIESEL, DẪN DẮT NHU CẦU THỊ TRƯỜNG BẰNG DỊCH VỤ CHUYÊN NGHIỆP VÀ GIÀNH ĐƯỢC SỰ TIN TƯỞNG.



SỨ MỆNH

HÀ NĂNG ĐỘNG LỰC TẬP TRUNG VÀO LĨNH VỰC MÁY PHÁT ĐIỆN DIESEL, NGHIÊN CỨU SÂU CÁC GIẢI PHÁP ĐIỆN KHẨN CẤP, TOÀN LỰC GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ VỀ TRUYỀN TẢI VÀ CUNG CẤP ĐIỆN TRONG CÁC TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP, BẢO VỆ AN TOÀN ĐIỆN.



TẦM NHÌN

HAONENG POWER TẬP TRUNG SÂU VÀO LĨNH VỰC XUẤT KHẨU MÁY PHÁT ĐIỆN DIESEL, VỚI CHẤT LƯỢNG XUẤT SẮC VÀ TẦM NHÌN TOÀN CẦU, CAM KẾT TRỞ THÀNH NHÀ CUNG CẤP THIẾT BỊ MÁY PHÁT ĐIỆN HÀNG ĐẦU THẾ GIỚI VỚI CÔNG NGHỆ TIÊN TIẾN VÀ DỊCH VỤ HÀNG ĐẦU, KIẾN TẠO CHUẨN MỰC NGÀNH.


KHAI THÁC MỎ

TRAO QUYỀN CHO CÔNG NGHIỆP TOÀN CẦU

✓ THƯƠNG HIỆU HỢP TÁC ĐỘNG CƠ

CAT | Cummins | Perkins | SME | rehlko | VOLVO PENTA

DEUTZ | Kubota | DOOSAN | FAWDE | WEICHAI 潍柴 | YANMAR

玉柴 YUCHAI | 上柴动力 SDEC POWER | ISUZU

✓ THƯƠNG HIỆU HỢP TÁC MÁY PHÁT ĐIỆN

STAMFORD | LEROY SOMER | marathon | mecc alte | 1ST 铨一

✓ BỘ PHẬN CHỨC NĂNG

ABB | DSE | SmartGen | Schneider Electric | SIEMENS | CHINT 正泰

TỔNG HỢP TƯ CÁCH



DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO

HIGH-TECH ENTERPRISE CERTIFICATE



CHỨNG CHỈ XẾP HẠNG TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP (AAA)

ENTERPRISE CREDIT GRADE CERTIFICATE(AAA)



GIẢI THƯỞNG ĐÓNG GÓP XUẤT SẮC CUMMINS TRÙNG KHÁNH 2018

2018 EXCELLENT CONTRIBUTION AWARDED BY CCEC



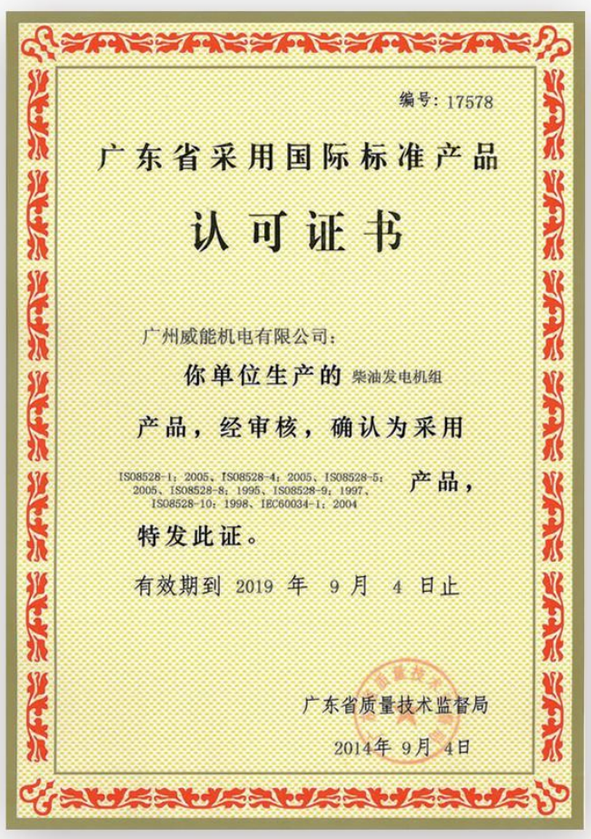
GIẤY PHÉP OEM CỦA CUMMINS TRÙNG KHÁNH

OEM CERTIFICATE OF CHONGQING CUMMINS G-DRIVE ENGINE



GIẤY CHỨNG NHẬN HÀNH VI TIÊU CHUẨN TỐT (AAAA)

GOOD STANDARDIZING PRACTICE CERTIFICATE (AAAA)



TỈNH QUẢNG ĐÔNG SỬ DỤNG CHỨNG NHẬN CÔNG NHẬN SẢN PHẨM THEO TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

GUANGDONG ADOPTING INTERNATIONAL STANDARD PRODUCT RECOGNIZED CERTIFICATE



CERTIFICATE

CHINA'S 500 MOST VALUABLE BRANDS

中国500最具价值品牌证书

编号(NO)：WBL2012486

兹证明：超能(广州威能机电有限公司)被世界品牌实验室

THIS IS TO CERTIFY THAT SAONON HAS BEEN AWARDED CHINA'S 500 MOST VALUABLE

及其独立的评测委员会评测为"2012年中国500最具价值品

BRANDS, WHICH BRAND VALUE IS 1.886 BILLION RMB. STATUS FOLLOWING A STRICT

牌"，品牌价值评估为 18.86 亿元人民币。特此证明。

SELECTION PROCESS BY THE WORLD BRAND LABORATORY.

有效期至：2013年6月27日 DATE OF EXPIRY: 27 JUN 2013

发证日期：2012年6月28日 DATE OF ISSUE: 28 JUN 2012

Signature of the Chairman: Professor Robert A. Mundell

罗伯特·蒙代尔 主席 签名

世界品牌实验室 World Brand Laboratory

世界经理人集团 World Executive Group

500 THƯƠNG HIỆU GIÁ TRỊ NHẤT TRUNG QUỐC

CHINA'S 500 MOST VALUABLE BRANDS CERTIFICATE



(2014)

编号：4400 C 17971

采用国际标准产品标志证书

ADOPTING INTERNATIONAL STANDARD PRODUCT MARKING CERTIFICATE

广州威能机电有限公司：

你单位采用国际标准产品 柴油发电机组

经审查符合使用采用国际标准产品标志条件，业已备案。

执行标准编号 GB/T2820.1-2009、GB/T2820.4-2009、GB/T2820.5-2009、GB/T2820.8-2002、GB/T2820.9-2002、GB/T2820.10-2002、GBT755-2008

国际标准或国外先进标准编号 ISO8528-1：2005、ISO8528-4：2005、ISO8528-5：2005、ISO8528-8：1995、ISO8528-9：1997、ISO8528-10：1998、IEC60034-1：2004

证书有效期 2014年 9月 4日至 2019年 9月 4日

This is to certify that your product Diesel generator set

adopting International Standard has been assessed to be qualified for using the adopting international standard product mark and has been registered.

Term of validity of this certificate from 2014 9 4 to 2019 9 4 inclusive.

发证单位(盖章)

2014年 9 月 4 日

国家标准化管理委员会制

SỬ DỤNG CHỨNG NHẬN NHÃN HIỆU SẢN PHẨM THEO TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

ADOPTING INTERNATIONAL STANDARD PRODUCT MARKING CERTIFICATE



环境管理体系认证证书

证书编号：19818E0674R2M

统一社会信用代码：91440113771190703C

兹证明：

广州威能机电有限公司

环境管理体系符合：GB/T 24001-2016/ISO 14001:2015

证书覆盖范围：发电机组的研发、设计、组装生产及售后服务；储能柜的研发、设计、生产及销售（需资质除外）

注册地址：广州市番禺区沙头街丽坡路 23 号 102

经营地址：广州市番禺区沙头街丽坡路 25 号

首次发证日期：2018 年 08 月 22 日

本次换证日期：2024 年 07 月 29 日

证书有效日期：2027 年 08 月 21 日

中国认可 国际互认 管理体系 MANAGEMENT SYSTEM CNAS C178-M

签发：

北京新纪源认证有限公司

地址：北京市朝阳区南湖东园122楼7层北区805（邮编100102）

CHỨNG NHẬN ISO14001

ISO14001:ENVIRONMENT MANAGEMENT SYSTEM CERTIFICATE



质量管理体系认证证书

证书编号：19823QG1759R0M

统一社会信用代码：91440113771190703C

兹证明：

广州威能机电有限公司

质量管理体系符合：GB/T 19001-2016/ISO 9001:2015

证书覆盖范围：发电机组的研发、设计、组装生产及售后服务；储能柜的研发、设计、生产及销售（需资质除外）

注册地址：广州市番禺区沙头街丽坡路 23 号 102

经营地址：广州市番禺区沙头街丽坡路 25 号

首次发证日期：2023 年 07 月 21 日

本次换证日期：2024 年 07 月 29 日

证书有效日期：2026 年 07 月 20 日

中国认可 国际互认 管理体系 MANAGEMENT SYSTEM CNAS C178-M

签发：

北京新纪源认证有限公司

地址：北京市朝阳区南湖东园122楼7层北区805（邮编100102）

CHỨNG NHẬN ISO9001

ISO9001:QUALITY MANAGEMENT SYSTEM CERTIFICATE



证书编号：0302346110549R0M

产品认证证书

Certificate for Product Certification

申请单位名称及地址

广州威能机电有限公司

广东省广州市番禺区沙头街丽坡路59号

生产单位名称及地址

广州威能机电有限公司

广东省广州市番禺区沙头街丽坡路59号

获证产品

超能玉柴动力系列通信用高压发电机组(10kV，1800kW-2000kW，广西玉柴船电动力有限公司发动机，利莱森玛电机科技（福州）有限公司发电机)

（产品具体型号见附件）

认证依据产品标准

YD/T2888-2015*

上述产品满足 发电机组设备认证实施规则的要求，特发此证

认证模式：型式试验+初始工厂检查+获证后监督

特此证明

本次颁证日期：2023年04月17日

证书有效期至：2028年04月16日

首次颁证日期：2023年04月17日

（本证书有效性可从www.cnca.gov.cn或www.tlc.com.cn网站查询）

*注：有关产品符合标准的细节见证书附件

签发人：Signed by

中国 · 北京 · 西城区新街口外大街28号 100088 http://www.tlc.com.cn/

CHỨNG NHẬN TÜ V

TLC CERTIFICATE (TELL CERTIFICATE)



中国国家强制性产品认证证书

证书编号：2015010301803646

委托人名称、地址

广州威能机电有限公司

广东省广州市番禺区丽坡路25号

生产者(制造商)名称、地址

广州威能机电有限公司

广东省广州市番禺区丽坡路25号

生产企业名称、地址

广州威能机电有限公司

广东省广州市番禺区丽坡路25号

产品名称和系列、规格、型号

低压成套设备（低压成套开关设备）

SLVB 主母线：InA=4000A～1600A，Icw=80kA；Ue=380V，Ui=660V；50Hz；IP30

产品标准和技术要求

GB 7251.12-2013

上述产品符合强制性产品认证实施规则 CNCA-C03-01:2014的要求，特发此证。

发证日期：2015年09月14日 有效期至：2020年09月14日

证书有效期内本证书的有效性依据发证机构的定期监督获得保持。

本证书的相关信息可通过国家认监委网站www.cnca.gov.cn查询

主 任：

中国质量认证中心

中国 · 北京 · 南四环西路 188 号 9 区 100070

http://www.cqc.com.cn

CHỨNG NHẬN CCC

CHINA COMPULSORY CERTIFICATION



广东省高新技术产品

证 书

广州威能机电有限公司：

经审核，你公司的 大功率极速自投备用供电系统 产品2018年被认定为广东省高新技术产品。

批准文号：粤高企协〔2018〕19号。

有 效 期：三 年 。

2018年12月

编号：201819845

HỆ THỐNG CUNG CẤP ĐIỆN DỰ PHÒNG TỰ ĐỘNG CÔNG SUẤT CAO TỐC ĐỘ CAO

HIGH-POWER EXTREME-SPEED SELF-SWITCHING STANDBY POWER SUPPLY SYSTEM



广东省高新技术产品

证 书

广州威能机电有限公司：

经审核，你公司的 发电用生物质气净化自适应系统 产品2018年被认定为广东省高新技术产品。

批准文号：粤高企协〔2018〕19号。

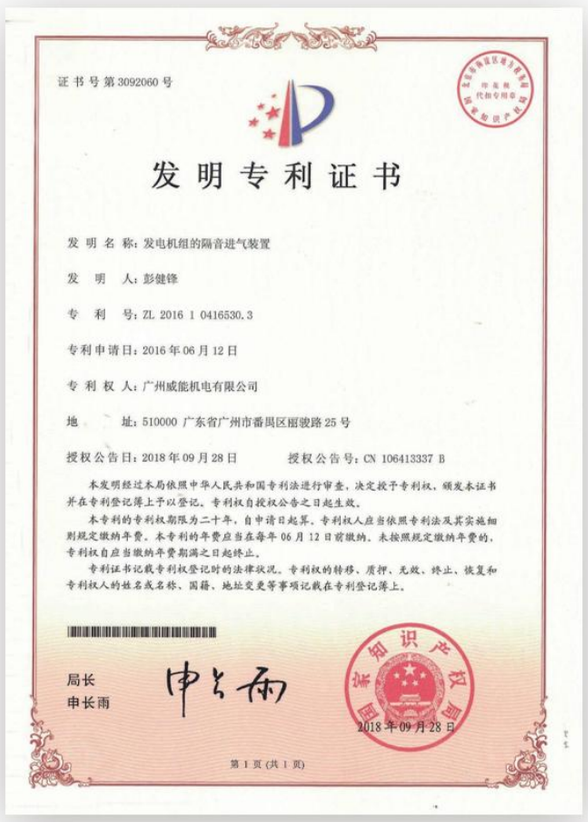
有 效 期：三 年 。

2018年12月

编号：201819848

HỆ THỐNG THÍCH ỨNG LÀM SẠCH KHÍ SINH KHỐI DÙNG CHO PHÁT ĐIỆN

ADAPTIVE SYSTEM FOR BIOMASS GAS PURIFICATION FOR POWER GENERATION



证书号第3092060号

发明专利证书

发明名称：发电机组的隔音进气装置

发 明 人：彭健锋

专 利 号：ZL 2016 1 0416530.3

专利申请日：2016年06月12日

专利权人：广州威能机电有限公司

地 址：510000 广东省广州市番禺区厦骏路25号

授权公告日：2018年09月28日 授权公告号：CN 106413337 B

本发明经过本局依照中华人民共和国专利法进行审查，决定授予专利权，颁发本证书并在专利登记簿上予以登记。专利权自授权公告之日起生效。

本专利的专利权期限为二十年，自申请日起算。专利权人应当依照专利法及其实施细则规定缴纳年费。本专利的年费应当在每年06月12日前缴纳。未按照规定缴纳年费的，专利权自应当缴纳年费期满之日起终止。

专利证书记载专利权登记时的法律状况。专利权的转移、质押、无效、终止、恢复和专利权人的姓名或名称、国籍、地址变更等事项记载在专利登记簿上。

局长 申长雨

2018年09月28日

第1页(共1页)

THIẾT BỊ HÚT KHÍ CÁCH ÂM CỦA TỔ MÁY PHÁT ĐIỆN

SOUNDPROOF INTAKE DEVICE OF GENSET



广东省高新技术产品

证 书

广州威能机电有限公司：

经审核，你公司的 多效转化超低排放发电机组 产品2018年被认定为广东省高新技术产品。

批准文号：粤高企协〔2018〕19号。

有 效 期：三 年 。

2018年12月

编号：201819846

TỔ MÁY PHÁT ĐIỆN HIỆU SUẤT CAO, PHÁT THẢI CỰC THẤP

MULTI-EFFECT CONVERSION ULTRA-LOW EMISSION GENSET



广东省高新技术产品

证 书

广州威能机电有限公司：

经审核，你公司的 CBD专用热电联供发电机组 产品2018年被认定为广东省高新技术产品。

批准文号：粤高企协〔2018〕19号。

有 效 期：三 年 。

2018年12月

编号：201819847

TỔ MÁY PHÁT ĐIỆN KẾT HỢP NHIỆT ĐIỆN CHUYÊN DỤNG CHO CBD

CBD SPECIAL COGENERATION GENSET



CUMMINS(CHINA) POWER TECHNOLOGY CO.,LTD

CERTIFICATE

OF AUTHORIZATION

This is certify that

GUANGZHOU WANON ELECTRIC & MACHINE CO.,LTD

IS the Authorized O.E.M of

CUMMINS(CHINA)POWER TECHNOLOGY CO.,LTD

in 2020

The validity of authorization is from Jan. 1st ,2020 to Dec. 31th,2020

This license is only for the overseas markets

Website: www.cummins-cpt.com

2020.01.01

DATE

Power Technology

AUTHORIZED SIGNATURE

NO:CPT-2020-E-09

GIẤY PHÉP OEM ĐỘNG LỰC CUMMINS

OEM CERTIFICATE OF CUMMINS (CHINA) POWER



Power Systems

证 书

Certificate

兹证明

This is to certify that

广州威能机电有限公司

Guangzhou Wanon Electronic&Machine Co.,Ltd.

为康明斯动力系统业务东亚区合作伙伴，其在下述有效期内被授权采购康明斯进口发动机，并用于组装其自有品牌的发电机组。

Is a partner of Cummins Power System business in East Asia, which is authorized in the validity period as prescribed below, to purchase imported Cummins engines and to assemble their self-branded generation sets with such engines.

证明编号:20010S 有效期：2020 年 1 月 1 日至 2020 年 12 月 31 日

Certificate No.:20010S Valid Date: From Jan.1st to Dec.31st 2020

如需验证证书真伪，请登陆康明斯电力网站：www.cummins.com.cn

To validate certificate, please log on Cummins Power Generation website www.cummins.com.cn

王雷 电力业务总经理

康明斯（中国）投资有限公司

Cummins (China) Investment Co., Ltd

北京市朝阳区广顺南大街 8 号院 3 号楼 H 区 7 层 100102

Bldg 3, Block H,7/F No.8 Guang Shun Avenue South, Chaoyang District, Beijing 100102 P.R.China

GIẤY PHÉP OEM CUMMINS NHẬP KHẨU

OEM CERTIFICATE OF CUMMINS EA G-DRIVE ENGINE



上海菱重发动机有限公司

SHANGHAI MHI ENGINE CO., LTD.

中国上海市杨浦区军工路2630号

2630 Jun Gong Road, Shanghai, P. R. China

Certificate

授权证书

This is to certify that

广州威能机电有限公司

GUANGZHOU WANON ELECTRIC&MACHINE CO.,LTD

广东省广州市番禺区丽坡路 59 号

No.59 Lijun Road,Panyu District,Guangzhou,China

is appointed as

O.E.M. Partner

for sales and service of

SME Diesel Engine Product

for generation designed and manufactured in Shanghai MHI Engine Co.,Ltd. and its affiliates

SHANGHAI MHI ENGINE CO.,LTD.

Mitsuhito Kuroiwa

Mitsuhito Kuroiwa –General Manager

Date :JAN.01.2020

(Validity : until DEC.31, 2020)

GIẤY ỦY QUYỀN OEM CỦA SME

OEM CERTIFICATE OF SME DIESEL ENGINE

STAMFORD

No.G1S20GWN012

Authorization Certificate

授 权 书

This is to certify that

兹 证 明

GUANGZHOU WANON ELECTRIC & MACHINE CO.,LTD.

广州威能机电有限公司

Is the Authorized **O.E.M** of

STAMFORD Alternators in 2020

是2020年度斯坦福® 发电机的授权**OEM**厂商

EST. 1904

Sales Director

销 售 总 监：

Cummins Generator Technologies(China)Co.,Ltd.

康明斯发电机技术（中国）有限公司

官 方 微 信

服务及查询热线/Service & Enquiry Hotline: 40088 12390

GIẤY ỦY QUYỀN OEM CỦA STANFORD

OEM CERTIFICATE OF STAMFORD ALTERNATOR

S/NO:EPD/2020/1026

維佳 ELCO POWER

Perkins

Certificate

This is to certify that

廣州威能機電有限公司

Guangzhou Wanon Electric & Machine Co., Ltd.

is an approved OEM partner

Of

Sime Darby Elco Power Systems Limited

an Authorized Perkins Distributor

in People's Republic of China

Valid till 31st December 2020

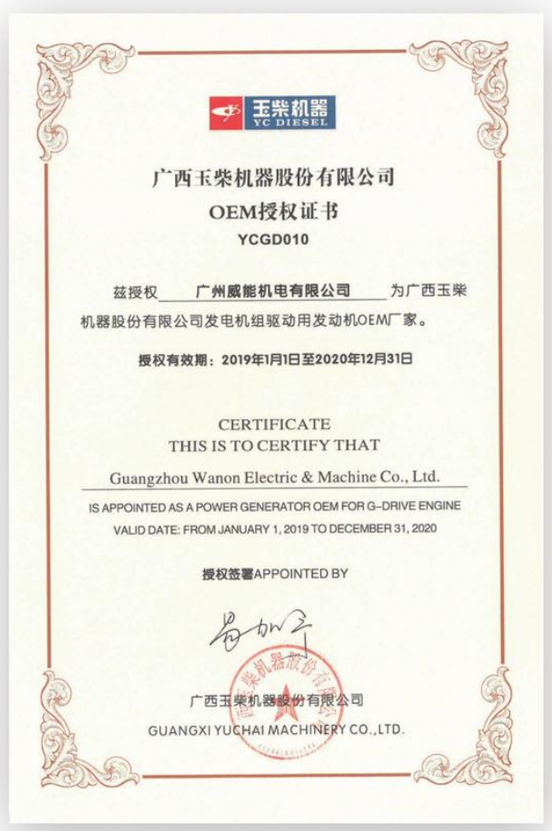
Billy Lui Lap Cheong

General Manager

S/NO:EPD/2020/1026

GIẤY PHÉP OEM CỦA PERKINS

OEM CERTIFICATE OF ELCO POWER (PERKINS)ENGINE



玉柴机器 YC DIESEL

广西玉柴机器股份有限公司

OEM授权证书

YCGD010

兹授权 广州威能机电有限公司 为广西玉柴机器股份有限公司发电机组驱动用发动机OEM厂家。

授权有效期：2019年1月1日至2020年12月31日

CERTIFICATE

THIS IS TO CERTIFY THAT

Guangzhou Wanon Electric & Machine Co., Ltd.

IS APPOINTED AS A POWER GENERATOR OEM FOR G-DRIVE ENGINE

VALID DATE: FROM JANUARY 1, 2019 TO DECEMBER 31, 2020

授权签署APPOINTED BY

广西玉柴机器股份有限公司

GUANGXI YUCHAI MACHINERY CO.,LTD.

GIẤY ỦY QUYỀN OEM CỦA YUCHAI

OEM CERTIFICATE OF YUCHAI YCGD010 DIESEL ENGINE



Nidec

All for dreams

LEROY-SOMER

授权书

Letter of Authorization

No. LS-007

兹授权

Is Honored to Authorize

广州威能机电有限公司

Guangzhou Wanon Electric & Machine Co., Ltd.

为利莱森玛发电机OEM合作商

As an OEM for Leroy-Somer Alternator

利莱森玛电机科技（福州）有限公司授权

Authorized by Leroy Somer Electro-Technique (Fuzhou) Co., Ltd.

有效期自2020年01月01日至2020年12月31日

Valid from 01, Jan. 2020 to 31, Dec. 2020

LEROY SOMER 2020 APPROVED OEM

中国区销售总监

China Sales Director

Leroy Somer Electro-Technique (Fuzhou) Co., Ltd.

No.1 AiMoSheng Road, Gaishan Town, Cangshan District

Fuzhou, Fujian (350026) P.R. China

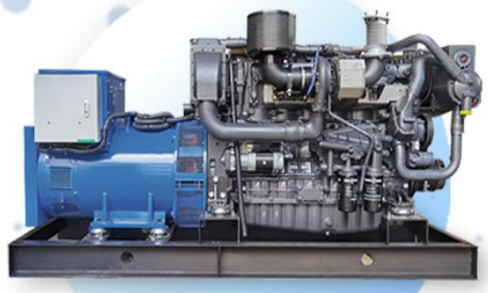
GIẤY PHÉP OEM CỦA LEROY-SOMER

OEM CERTIFICATE OF LEROY SOMERALTERNATOR

DÒNG SẢN PHẨM



















TỔ MÁY PHÁT ĐIÊN CÔNG NGHIỆP:

MÁY PHÁT ĐIỆN HAONENG CÓ DẢI CÔNG SUẤT TÙY CHỌN RỘNG, CUNG CẤP ĐIỆN NĂNG DỒI DÀO VÀ GIẢI PHÁP TRƯỞNG THÀNH, ĐỒNG THỜI BAO GỒM CÁC SẢN PHẨM ĐA DẠNG NHƯ MÁY PHÁT ĐIỆN DIESEL, KHÍ ĐỐT VÀ TRUNG-CAO ÁP, PHÙ HỢP VỚI CÁC LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐIỆN LỰC KHÁC NHAU.A

MÁY PHÁT ĐIÊN DÙNG CHO TÀU:

LOẠI PHÁT ĐIỆN PHỤ TRỢ (LẮP ĐẶT TRÊN THÂN TÀU)
LOẠI PHÁT ĐIỆN KHẨN CẤP (ĐẶT TRONG PHÒNG MÁY)
LOẠI ĐA NĂNG (TRÊN BOONG)
CHỨNG NHẬN CCS

Chúng tôi có sẵn các phụ tùng của nhiều thương hiệu lớn nổi tiếng, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu của khách hàng về việc hư hỏng hoặc thay thế các bộ phận của máy phát điện. Chúng tôi có sẵn phụ tùng của các thương hiệu như Caterpillar, Perkins, Cummins, Volvo, SME, MTU, Deutz, Yanmar, Weichai, Yuchai và Shangchai. Chúng tôi cũng có thể dự trữ theo nhu cầu của khách hàng.



TRỤC CAM



TRỤC KHUỶU



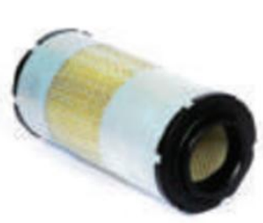
VAN ĐỘNG CƠ



PÍT-TÔNG



NẮP XI LANH



BỘ LỌC KHÔNG KHÍ



BỘ ĐIỀU ÁP



BỘ LỌC DẦU DIESEL



CẢM BIẾN



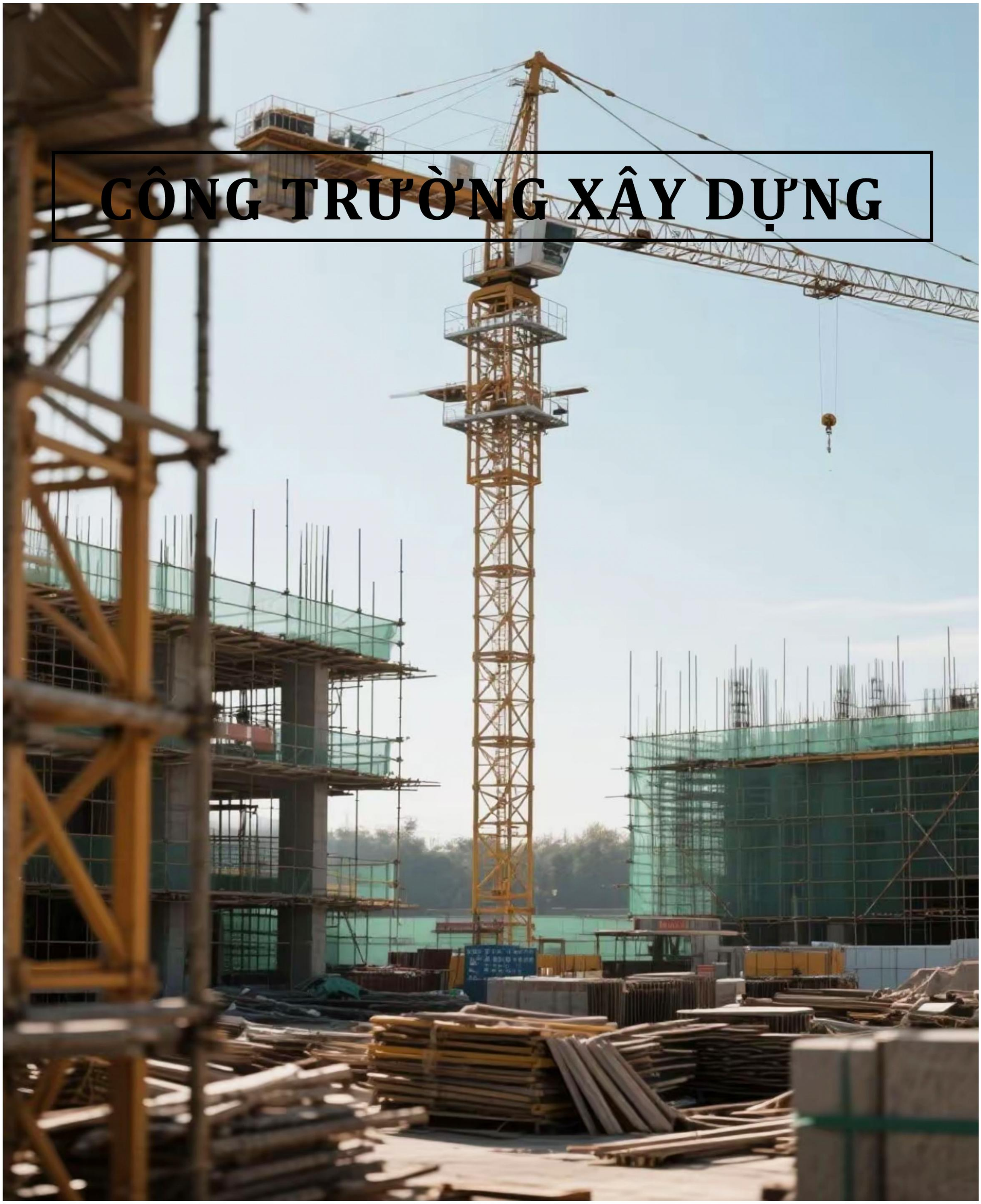
BỘ TRUYỀN ĐỘNG



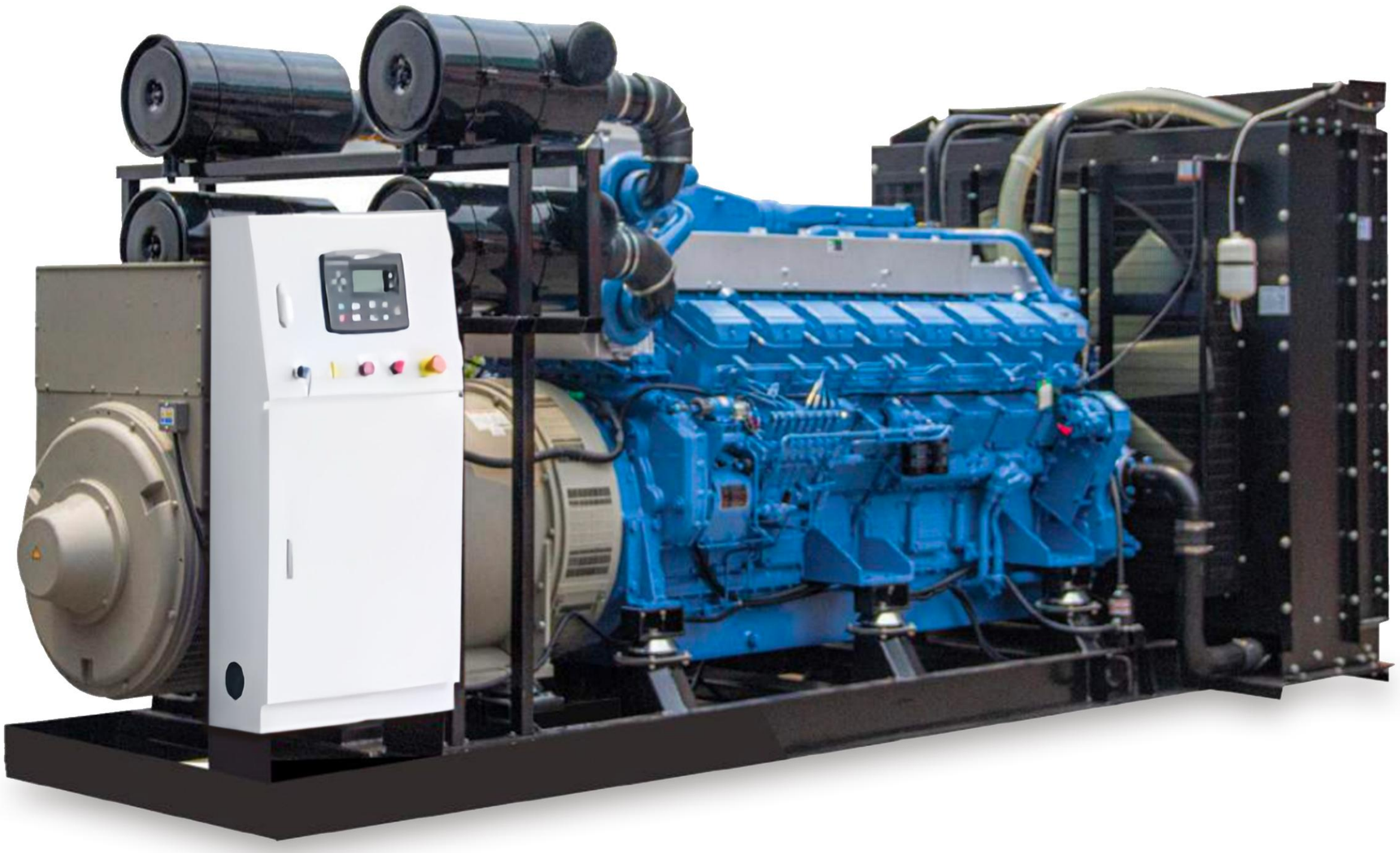
LỌC DẦU ĐỘNG CƠ



BỘ ĐIỀU KHIỂN MÔ-ĐUN


CÔNG TRƯỜNG XÂY DỰNG

KIỂU MỞ KHUNG





MÁY PHÁT ĐIỆN



CỬA THÊM DẦU MÁY



BƠM DẦU THỦ CÔNG



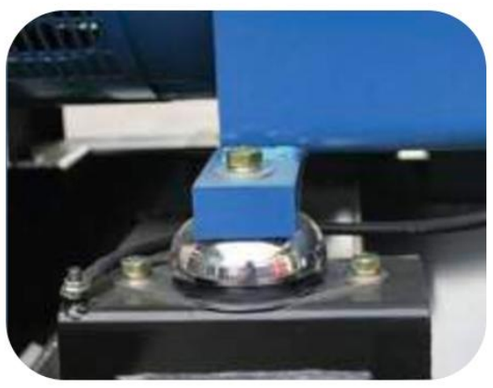
BỘ ĐIỀU KHIỂN



VỎ BỘ LỌC KHÔNG KHÍ



KHỞI ĐỘNG ĐỘNG CƠ



MIẾNG GIẢM CHẤN



PIN CÔNG TẮC



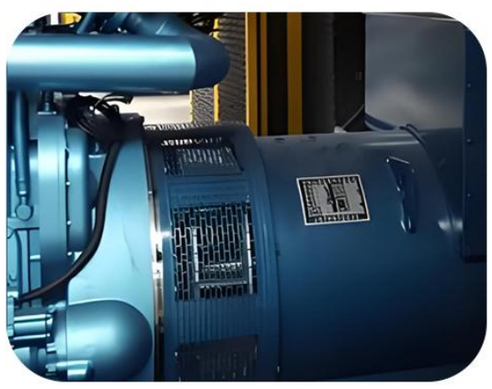
ĐỒNG HỒ NHIÊN LIỆU



CẢM BIẾN BÁO MỨC NHIÊN LIỆU

KIỂU IM LẶNG





MÁY PHÁT ĐIỆN



ĐỘNG CƠ



BẢN LỀ CỬA BẰNG THÉP KHÔNG GỈ



BẢN LỀ THÉP KHÔNG GỈ



NÚT KHẨN CẤP



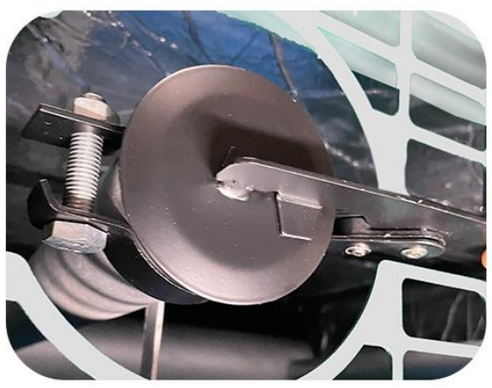
CỬA TIẾP NHIÊN LIỆU



BÔNG HÚT ÂM



CỬA GIÓ RA VÀO



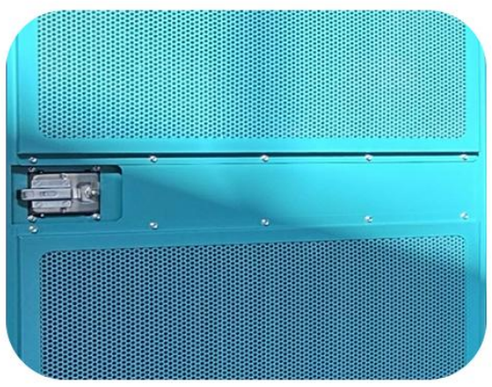
LỖ THÔNG KHÓI



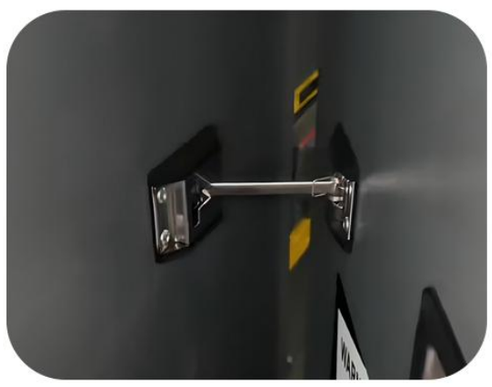
BÌNH NHIÊN LIỆU HOẠT ĐỘNG 8 GIỜ

Phiên bản tùy chỉnh Atlas





Lưới bảo vệ bông hút âm



móc gió



Bình nhiên liệu hoạt động 12 giờ



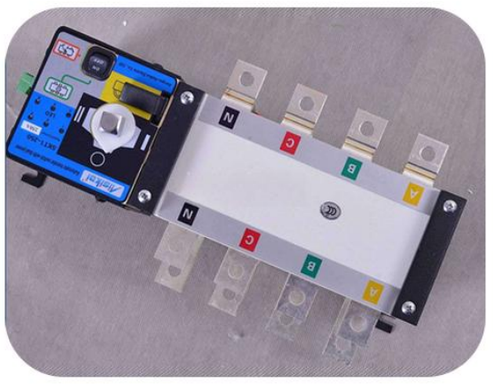
Bình nhiên liệu hoạt động 24 giờ



Bình nhiên liệu hoạt động 48 giờ



DSE 6120



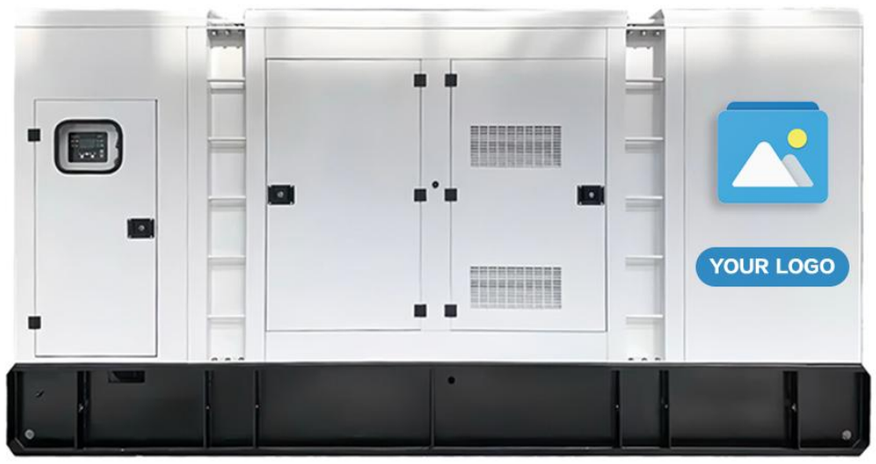
ATS



Đầu nối nhanh chống nổ công nghiệp

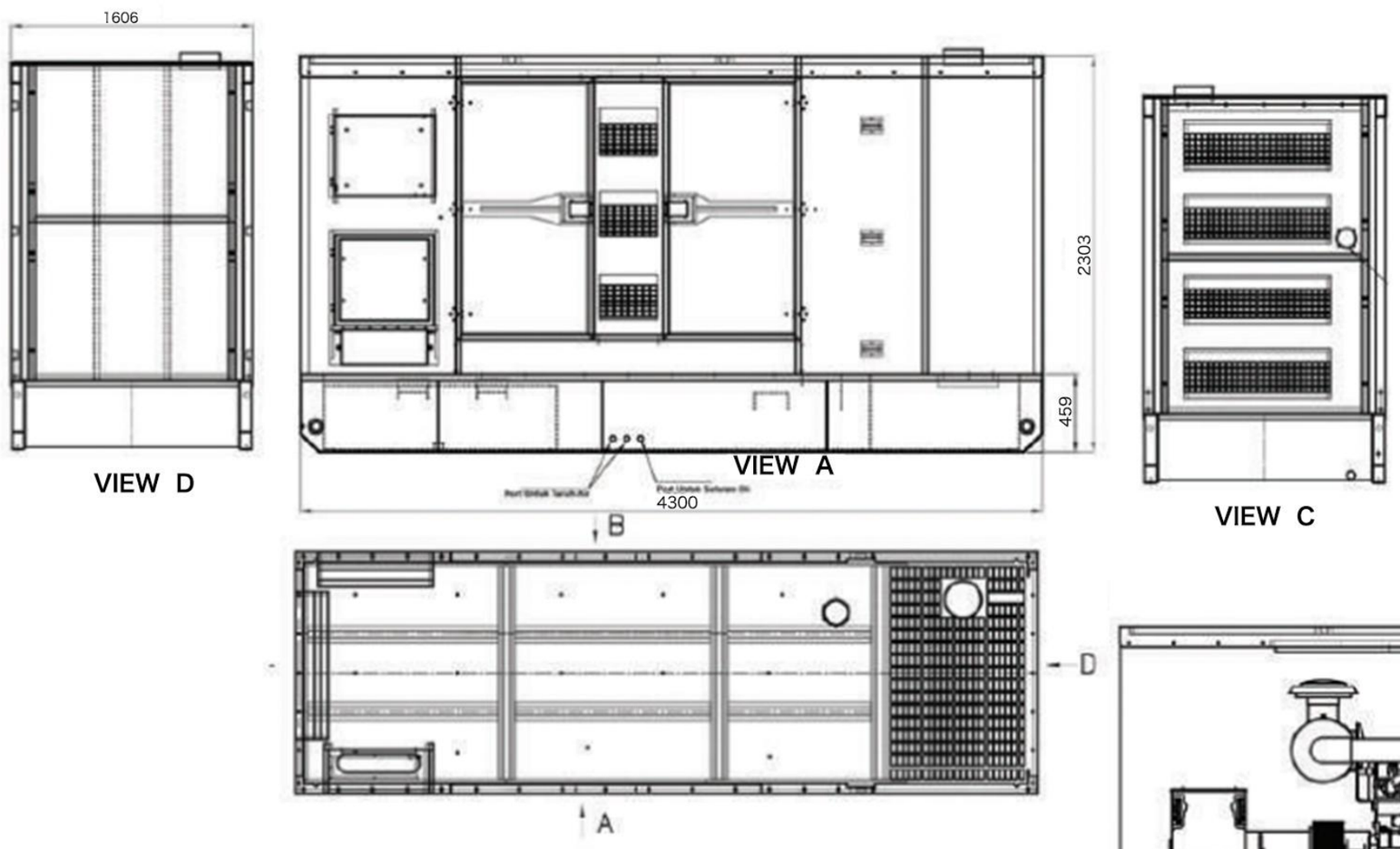
TÙY CHỈNH LOGO & MÀU SẮC & KIỂU DÁNG

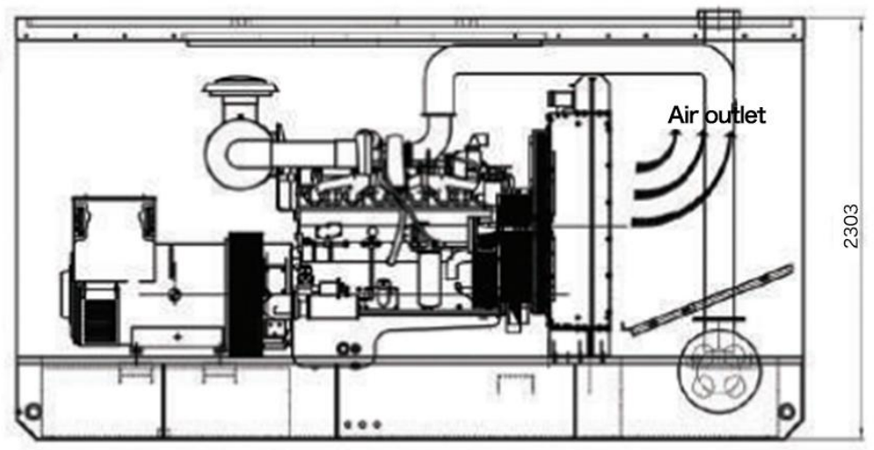




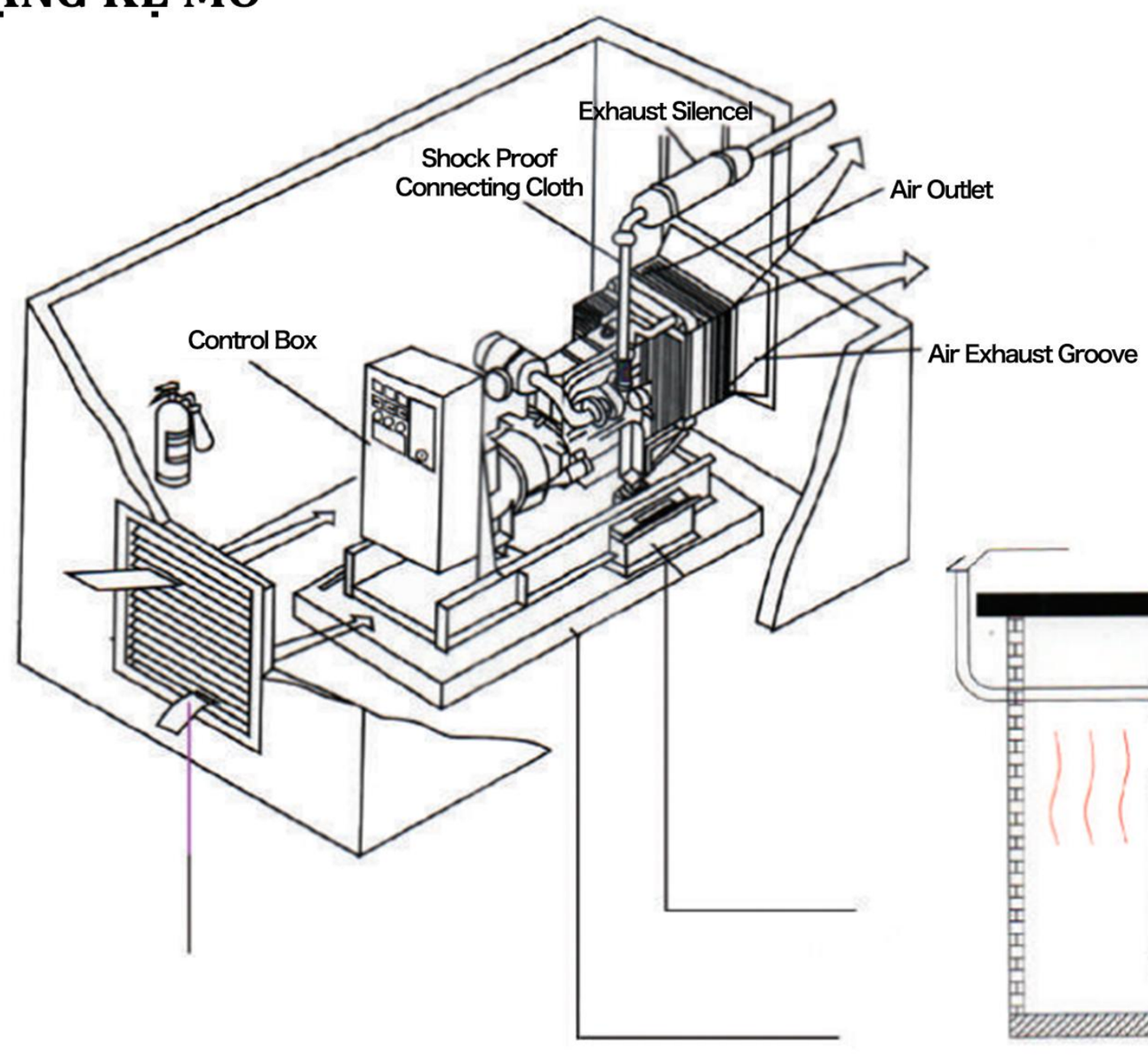


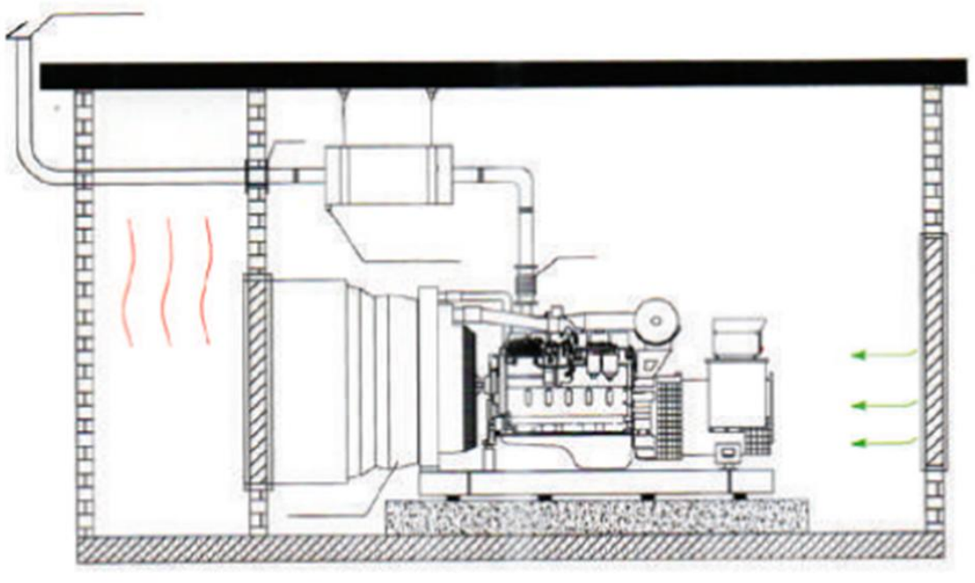
HẠO NĂNG ĐỘNG LỰC KIỂU IM LẶNG

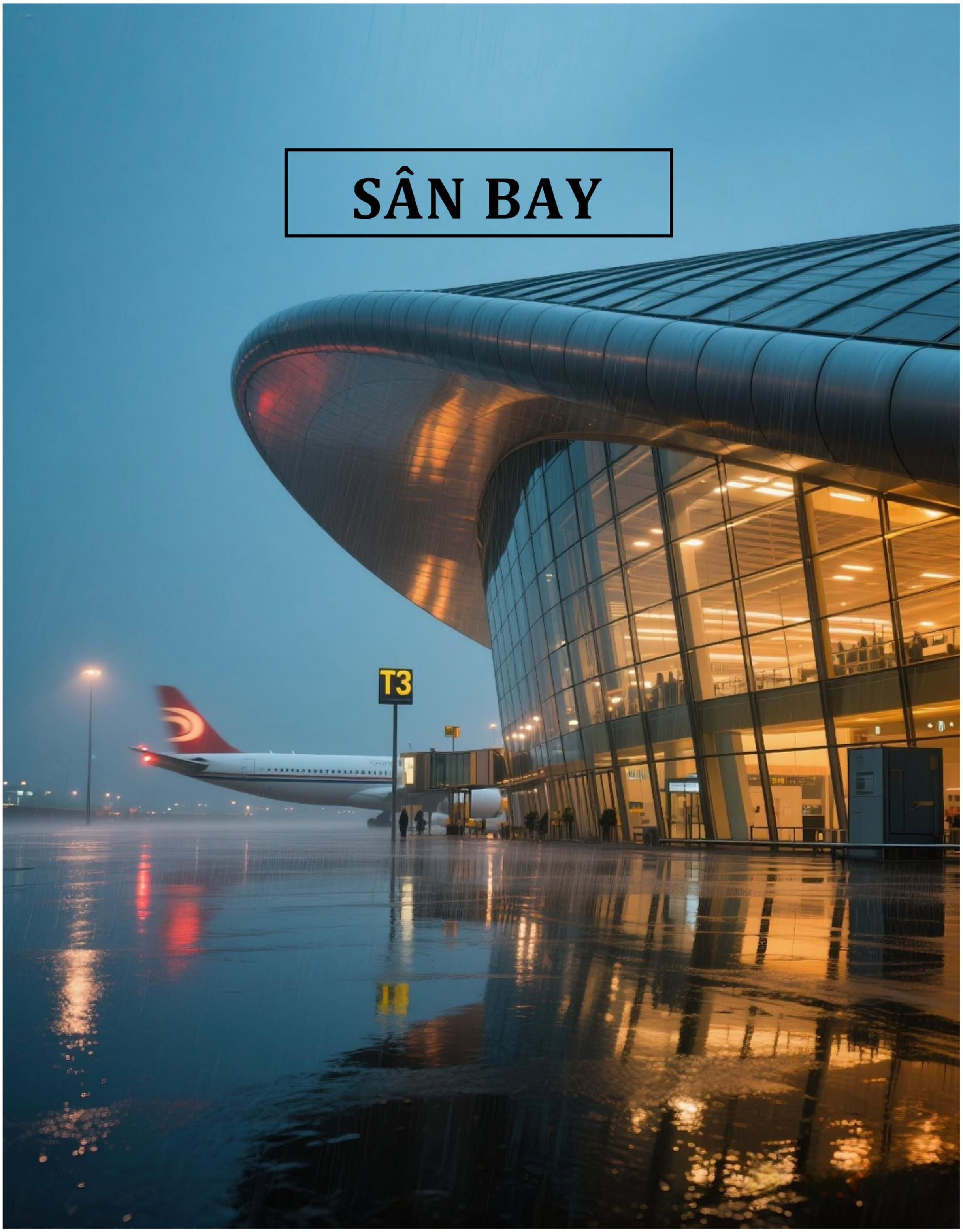




HẠO NĂNG ĐỘNG LỰC DẠNG KỆ MỞ






SÂN BAY
T3

BẢNG DỮ LIỆU CÔNG SUẤT:

Model	Prime Power		Standby Power		Engine Type	Engine Data				Open Type Unit		Silent Type Unit	
	Kw	Kva	Kw	Kva		No. Of Cyl	Bore*Stroke	Displacement(Ltr)	100%Load Fuel Cons（L/H）	Dimension (L*W*H)mm	Approx Weight (KG)	Dimension (L*W*H)mm	Approx Weight (KG)
HN16D	16	20	17	22	HN490D	4	90*100	2.544	6.5	1590*720*1000	500	2100*900*1300	900
HN25D	25	31	27	34	HN4100D	4	95*115	3.26	9	1600*640*1000	680	2100*900*1300	1080
HN30D	30	37	33	41	HN4100ZD	4	100*115	3.61	12	1700*700*1000	790	2100*900*1300	1190
HN40D	40	50	44	55	HN4105ZD	4	105*125	4.33	16	1870*720*1050	860	2200*950*1300	1260
HN50D	50	62	55	68	HNR4105ZD	4	105*125	4.33	17.7	1870*720*1050	860	2300*950*1400	1360
HN68D	68	85	74	93	HNR4108ZLD	4	105*125	4.33	22.9	2210*720*1380	930	2850*1050*1500	1430
HN100D	100	125	110	137	HNR6105AZLD	6	105*130	6.75	32.4	2340*720*1380	1350	3000*1050*1500	1850
HN120D	120	150	132	165	HNR6105IZLD	6	105*135	7.1	35.4	2570*775*1525	1450	3100*1050*1500	1950
HN144D	144	180	158	198	HN4D250T2	4	126*130	6.8	44.5	2570*775*1525	1650	3500*1250*1780	2150
HN200D	200	250	220	275	HN6D360T2	6	126*130	10	57.7	2950*1150*1600	2150	3700*1250*1780	3100
HN250D	250	313	275	343	HN6D450AT	6	126*130	10	71.4	3250*1250*1650	2350	3800*1500*1800	3350
HN300D	300	375	330	412	HN6D520AT	6	126*155	12	85.9	3300*1440*1650	3100	3800*1500*1800	4300
HN360D	360	450	396	495	HN6D550BT	6	126*155	12	93.3	3400*1440*1650	3500	4400*1800*2500	4700
HN400D	400	500	440	550	HN6D660AT	6	127*165	13	110.4	3400*1440*1900	4300	4400*1800*2500	6200

BẢNG DỮ LIỆU CÔNG SUẤT:

Cummins

Model	Prime Power		Standby Power		Engine Type	Engine Data				Open Type Unit		Silent Type Unit	
	Kw	Kva	Kw	Kva		No. Of Cyl	Bore*Stroke	Displacement(Ltr)	100%Load Fuel Cons（L/H）	Dimension (L*W*H)mm	Approx Weight (KG)	Dimension (L*W*H)mm	Approx Weight (KG)
HNCMS20D	20	25	24	30	4B3.9-G2	4	102*120	3.9	7.1	1620*840*1250	744	2300*1000*1300	1295
HNCMS25D	25	30	27	34	4B3.9-G12	4	102*120	3.9	7.4	1620*840*1250	775	2300*1000*1300	1325
HNCMS30D	30	37	35	44	4BT3.9-G2	4	102*120	3.9	9.3	1680*840*1250	786	2300*1000*1300	1336
HNCMS50D	50	62	56	70	4BTA3.9-G2	4	102*120	3.9	11.2	1750*900*1250	870	2400*1000*1300	1500
HNCMS64D	64	80	72	90	4BTA3.9-G11	4	102*120	3.9	17.6	1870*900*1250	920	2500*1000*1450	1670
HNCMS75D	75	93	84	105	4BTA3.9-G13	4	102*120	3.9	18.8	1870*900*1250	1080	2500*1000*1450	1830
HNCMS90D	90	112	100	125	6BTA5.9-G2	6	102*120	5.9	27	2200*1000*1400	1131	2900*1100*1600	1881
HNCMS100D	100	125	116	145	6BTAA5.9-G2	6	102*120	5.9	30	2300*1000*1400	1230	2900*1100*1600	1980
HNCMS120D	120	150	132	165	6BTAA5.9-G12	6	102*120	5.9	32.5	2400*1000*1400	1310	3000*1100*1600	2060
HNCMS145D	145	180	160	200	6CTA8.3-G2	6	114*135	8.3	42	2420*1000*1500	1800	3200*1100*1800	3060
HNCMS200D	200	250	220	275	6LTAA8.9-G2	6	114*145	8.9	53	2620*1000*1640	1900	3400*1300*1700	3160
HNCMS250D	250	312	280	350	6LTAA9.5-G1	6	116*148	9.5	70	2670*1100*1640	2100	3700*1400*1900	3500
HNCMS300D	300	375	340	425	6ZTAA13-G3	6	130*163	13	76.5	3000*1380*2000	3260	4200*1600*2250	5060
HNCMS350D	350	438	380	475	6ZTAA13-G4	6	130*163	13	91.4	3215*1500*2000	3585	4200*1600*2250	5385
HNCMS400D	400	500	440	550	QSZ13-G10	6	130*163	13	107	3100*1500*2000	3385	4200*1600*2250	5185
HNCMS450D	450	563	495	619	KTAA19-G6	6	159*159	18.9	141	3670*1680*2190	4658	4950*2000*2520	6400
HNCMS500D	500	625	550	687	KT38-G	12	159*159	38	134	3670*1680*2190	4813	4950*2000*2520	6400
HNCMS560D	560	700	616	770	KTA38-G1	12	159*159	38	300	4400*1750*2200	7100	20'	11603
HNCMS600D	600	750	660	825	KTA38-G2	12	159*159	37.8	167	4300*1770*2250	7190	20'	11603
HNCMS640D	640	800	691	864	KTA38-G2B	12	159*159	37.8	172	4300*1770*2250	7199	20'	11603
HNCMS728D	728	910	786	982	KTA38-G2A	12	159*159	37.8	191	4300*1770*2250	7359	20'	11603
HNCMS800D	800	1000	864	1080	KTA38-G5	12	159*159	37.8	209	4300*1770*2250	7777	20'	11920
HNCMS1000D	1000	1250	1080	1350	KTA50-G3	16	159*159	50.3	261	5000*2010*2360	9281	40'	15500
HNCMS1120D	1120	1400	1209	1512	KTA50-G8	16	159*159	50.3	289	5700*2140*2550	11000	40'	15500

BẢNG DỮ LIỆU CÔNG SUẤT:

Perkins

Model	Prime Power		Standby Power		Engine Type	Engine Data				Open Type Unit		Silent Type Unit	
	Kw	Kva	Kw	Kva		No. Of Cyl	Bore*Stroke	Displacement(Ltr)	100%Load Fuel Cons（L/H）	Dimension (L*W*H)mm	Approx Weight (KG)	Dimension (L*W*H)mm	Approx Weight (KG)
HNPJS16D	16	20	17	22	404D-22G	4	84*100	2.2	7.1	1470*740*1010	525	2300*1000*1300	1100
HNPJS25D	25	31	27	34	1103A-33G	3	105*127	3.3	7.2	1540*800*1010	860	2300*1000*1300	1350
HNPJS36D	36	45	40	50	1103A-33TG1	3	105*127	3.3	10.8	1610*800*1170	870	2400*1000*1300	1500
HNPJS48D	48	60	53	66	1103A-33TG2	3	105*127	3.3	14.6	1700*800*1170	965	2400*1000*1300	1520
HNPJS64D	64	80	70	87	1104A-44TG2	4	105*127	4.41	18.7	1900*800*1270	1080	2500*1000*1450	1855
HNPJS80D	80	100	90	112	1104C-44TAG2	4	105*127	4.41	22.6	1950*950*1270	1250	2600*1100*1600	1900
HNPJS108D	108	135	120	150	1106A-70TG1	6	105*135	7.01	30.2	2250*950*1275	1522	2900*1100*1600	2300
HNPJS120D	120	150	132	165	1106A-70TAG2	6	105*135	7.01	33.4	2250*950*1275	1580	3000*1100*1600	2350
HNPJS144D	144	180	160	200	1106A-70TAG3	6	105*135	7.01	41.6	2350*1050*1425	1590	3200*1100*1800	2400
HNPJS160D	160	200	176	220	1106A-70TAG4	6	105*135	7.01	45.8	2400*1050*1425	1600	3200*1100*1800	2500
HNPJS200D	200	250	220	275	1206A-E70TTAG3	6	105*135	7.01	56.9	3000*1100*1600	2300	3700*1400*1900	3560
HNPJS245D	240	300	264	330	1706A-E93TAG1	6	115*149	9.3	65	3000*1300*1800	2750	3750*1500*2100	4150
HNPJS280D	280	350	320	400	2206C-E13TAG2	6	130*157	12.5	75	3460*1450*2100	3350	4200*1600*2250	5150
HNPJS320D	320	400	360	450	2206C-E13TAG3	6	130*157	12.5	85	3460*1450*2100	3400	4200*1600*2250	5200
HNPJS360D	360	450	396	495	2506C-E15TAG1	6	137*171	15.2	99	3600*1630*2100	4000	4680*1700*2250	5950
HNPJS400D	400	500	440	550	2506C-E15TAG2	6	137*171	15.2	106	3780*1630*2120	4050	4680*1700*2250	6000
HNPJS500D	500	625	550	687	2806A-E18TAG2	6	145*183	18.1	132	3450*1550*2060	4380	4750*1760*2514	6400
HNPJS600D	600	750	660	825	4006-23TAG2A	6	160*190	22.9	157	4320*1760*2200	6127	5800*2000*2534	10200
HNPJS640D	640	800	691	864	4006-23TAG3A	6	160*190	22.9	172	4320*1760*2200	6130	5800*2000*2534	10200
HNPJS800D	800	1000	864	1080	4008TAG2	6	160*190	30.5	215	4700*2090*2250	8650	20'	11750
HNPJS1000D	1000	1250	1080	1350	4012-46TWG2A	12	160*190	45.8	259	4850*2050*2500	8929	40'	15800
HNPJS1200D	1200	1500	1296	1620	4012-46TAG2A	12	160*190	45.8	310	5090*2230*2530	9889	40'HC	15800
HNPJS1320D	1320	1650	1425	1782	4012-46TAG3A	12	160*190	45.8	370	5090*2230*2530	10127	40'HC	15800
HNPJS1600D	1600	2000	1728	2160	4016TAG2A	16	160*190	61.1	209	6000*2200*2560	12513	40'HC	20000
HNPJS1800D	1800	2250	1944	2430	4016-61TRG3	16	160*190	61.1	470	6060*2230*2700	13281	40'HC	20000

BẢNG DỮ LIỆU CÔNG SUẤT:

MITSUBISHI ELECTRIC

Model	Prime Power		Standby Power		Engine Type	Engine Data				Open Type Unit		Silent Type Unit	
	Kw	Kva	Kw	Kva		No. Of Cyl	Bore*Stroke	Displacement(Ltr)	100%Load Fuel Cons（L/H）	Dimension (L*W*H)mm	Approx Weight (KG)	Dimension (L*W*H)mm	Approx Weight (KG)
HNMI520D	520	650	572	715	S6R2-PTA-C	6	90*100	2.544	6.5	1590*720*1000	500	2100*900*1300	900
HNMI600D	600	750	660	825	S6R2-PTAA-C	6	95*115	3.26	9	1600*640*1000	680	2100*900*1300	1080
HNMI1100D	1100	1375	1210	1512	S12R-PTA2-C	12	100*115	3.61	12	1700*700*1000	790	2100*900*1300	1190
HNMI1200D	1200	1500	1296	1620	S12R-PTAA2-C	12	105*125	4.33	16	1870*720*1050	860	2200*950*1300	1260
HNMI1360D	1360	1700	1496	1870	S16R-PTA-C	16	105*125	4.33	17.7	1870*720*1050	860	2300*950*1400	1360
HNMI1500D	1500	1875	1650	2062	S16R-PTA2-C	16	105*125	4.33	21.4	2210*720*1050	910	2850*1050*1500	1410
HNMI1600D	1600	2000	1728	2160	S16R-PTAA2-C	16	105*125	4.33	22.9	2210*720*1380	930	2850*1050*1500	1430
HNMI2000D	2000	2500	2160	2700	S16R2-PTAW-C	16	105*130	6.75	32.4	2340*720*1380	1350	3000*1050*1500	1850

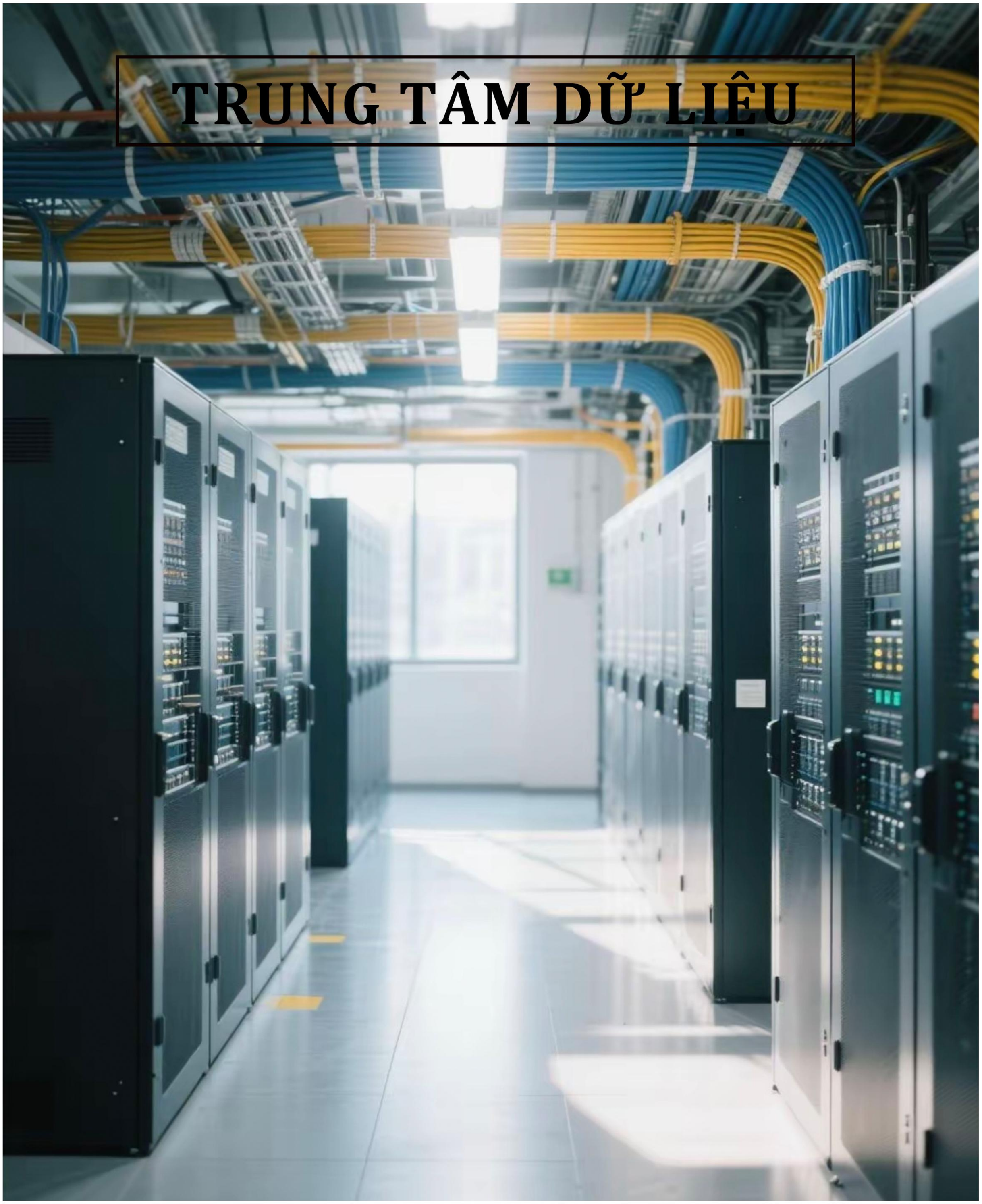
BẢNG DỮ LIỆU CÔNG SUẤT:

Model	Prime Power		Standby Power		Engine Type	Engine Data				Open Type Unit		Silent Type Unit	
	Kw	Kva	Kw	Kva		No. Of Cyl	Bore*Stroke	Displacement(Ltr)	100%Load Fuel Cons（L/H）	Dimension (L*W*H)mm	Approx Weight (KG)	Dimension (L*W*H)mm	Approx Weight (KG)
HNDYC16D	16	20	17	22	BFM3 G1	4	98*105	3.168	4.9	1500*740*1080	600	2300*1000*1300	1220
HNDYC24D	24	30	26	33	BFM3 G2	4	98*105	3.168	7.7	1500*740*1080	630	2300*1000*1300	1250
HNDYC32D	32	40	35	44	BFM3T	4	98*105	3.168	9.3	1600*740*1080	790	2300*1000*1300	1287
HNDYC40D	40	50	44	55	BFM3C	4	98*105	3.168	11.2	1600*740*1200	820	2400*1000*1300	1320
HNDYC48D	48	60	52	66	BF4M2012	4	101*126	4.04	12.5	1810*900*1280	926	2500*1000*1450	1400
HNDYC60D	60	75	64	80	BF4M2012C G1	4	101*126	4.04	15.2	1810*900*1280	980	2500*1000*1450	1436
HNDYC72D	72	90	82	103	BF4M2012C G2	4	101*126	4.04	19.9	1850*900*1280	1000	2600*1100*1600	1456
HNDYC80D	80	100	88	110	BF4M1013EC G1	4	108*130	4.764	24.2	1850*900*1280	1145	2600*1100*1600	1716
HNDYC89D	89	112	96	121	BF4M1013EC G2	4	108*130	4.764	26.4	1920*1000*1400	1180	2900*1100*1600	1750
HNDYC104D	104	130	120	150	BF4M1013FC	4	108*130	4.764	28.9	2030*1000*1400	1280	2900*1100*1600	1800
HNDYC128D	128	160	140	175	BF6M1013EC G1	6	108*130	7.15	33.6	2490*1000*1400	1700	3200*1100*1800	2197
HNDYC144D	144	180	160	200	BF6M1013EC G2	6	108*130	7.15	39.2	2540*1000*1400	1750	3200*1100*1800	2247
HNDYC150D	150	187	166	207	BF6M1013FCG2	6	108*130	7.15	40.2	2580*1000*1500	1840	3200*1100*1800	2300
HNDYC160D	160	200	176	220	BF6M1013FCG3	6	108*130	7.15	45.6	2580*1000*1500	1890	3200*1100*1800	2350
HNDYC200D	200	250	220	275	TCD8.0	6	110*136	7.8	52.3	2950*1150*1650	2100	3700*1400*1900	3300
HNDYC240D	240	300	260	325	TCD8.7	6	117*135	8.7	57.6	3060*1310*2040	2300	4200*1600*2250	3700
HNDYC260D	260	325	290	362	TCD12.1 G1	6	131*150	12.1	68	3060*1310*2040	2300	4200*1600*2250	3700
HNDYC300D	300	375	330	412	TCD12.1 G2	6	131*150	12.1	80.3	3200*1510*2100	2870	4680*1700*2250	4470
HNDYC360D	360	450	400	500	TCD13 G1	6	131*160	12.94	95.8	3200*1510*2100	2870	4680*1700*2250	4670
HNDYC400D	400	500	440	550	TCD13 G2	6	131*160	12.94	106	3200*1510*2100	3170	4680*1700*2250	5170

BẢNG DỮ LIỆU CÔNG SUẤT:

Model	Prime Power		Standby Power		Engine Type	Engine Data				Open Type Unit		Silent Type Unit	
	Kw	Kva	Kw	Kva		No. Of Cyl	Bore*Stroke	Displacement(Ltr)	100%Load Fuel Cons（L/H）	Dimension (L*W*H)mm	Approx Weight (KG)	Dimension (L*W*H)mm	Approx Weight (KG)
HNWEW68D	68	85	74	93	TAD530GE	4	108*130	4.76	19.1	TBD	TBD	TBD	TBD
HNWEW80D	80	100	88	110	TAD531GE	4	108*130	4.76	22.6	TBD	TBD	TBD	TBD
HNWEW100D	100	125	110	137	TAD532GE	4	108*130	4.76	27.3	TBD	TBD	TBD	TBD
HNWEW120D	120	150	132	165	TAD731GE	6	108*130	7.15	33.9	TBD	TBD	TBD	TBD
HNWEW144D	144	180	160	200	TAD732GE	6	108*130	7.15	39.8	TBD	TBD	TBD	TBD
HNWEW200D	200	250	220	275	TAD734GE	6	108*130	7.15	50.7	TBD	TBD	TBD	TBD
HNWEW250D	250	312	275	343	TAD1341GE	6	131*158	12.78	68.1	TBD	TBD	TBD	TBD
HNWEW300D	300	375	330	413	TAD1343GE	6	131*158	12.78	74.2	TBD	TBD	TBD	TBD
HNWEW360D	360	450	400	500	TAD1345GE	6	131*158	12.78	89.5	TBD	TBD	TBD	TBD
HNWEW400D	400	500	440	550	TAD1641GE	6	144*165	16.12	101.2	TBD	TBD	TBD	TBD
HNWEW450D	450	562	495	618	TAD1642GE	6	144*165	16.12	119	TBD	TBD	TBD	TBD
HNWEW500D	500	625	560	700	TWD1644GE	6	144*165	16.12	126.7	TBD	TBD	TBD	TBD
HNWEW560D	560	700	616	770	TWD1645GE	6	144*165	16.12	133.7	TBD	TBD	TBD	TBD

TRUNG TÂM DỮ LIỆU



BẢNG DỮ LIỆU CÔNG SUẤT:

SDEC POWER

Model	Prime Power		Standby Power		Engine Type	Engine Data				Open Type Unit		Silent Type Unit	
	Kw	Kva	Kw	Kva		No. Of Cyl	Bore*Stroke	Displacement(Ltr)	100%Load Fuel Cons（L/H）	Dimension (L*W*H)mm	Approx Weight (KG)	Dimension (L*W*H)mm	Approx Weight (KG)
HNSC12D	12	15	13	16	4Z2.3-G21	4	85*100	2.27	4.6	1400*680*1000	750	2000*900*1220	1080
HNSC16D	16	20	18	22	4Z2.7-G21	4	90*105	2.7	6	1400*680*1000	770	2000*900*1220	1150
HNSC20D	20	25	22	27	4Z3.0-G21	4	95x105	3	7.4	1600*680*1000	770	2150*900*1220	1100
HNSC25D	25	31	27	34	4Z3.2-G21	4	98*105	3.2	7.4	2050*880*1100	780	2300*1000*1300	1250
HNSC32D	32	40	35	43	4ZT3.2-G21	4	98x105	3.2	8.8	1750*750*1200	790	2300*1000*1300	1260
HNSC40D	40	50	45	56	4ZT3.5-G21	4	98x115	3.5	12.5	1750*750*1200	800	2400*1000*1300	1280
HNSC50D	50	62	55	68	4ZT4.1-G21	4	105x118	4.1	15.4	1750*750*1200	890	2400*1000*1300	1350
HNSC64D	64	80	72	90	4ZTAA4.1-G31	4	105x118	4.1	16.4	1750*850*1300	900	2500*1000*1450	1450
HNSC80D	80	100	90	112	4HTAA4.3-G21	4	105×124	4.3	21.4	2000*900*1300	1100	2700*1000*1450	1760
HNSC90D	90	112	100	125	4HTAA4.3-G23	4	105×124	4.3	24	2480*900*1350	1300	2700*1000*1450	1900
HNSC100D	100	125	110	137	4HTAA4.3-G22	4	105×124	4.3	27.5	2480*900*1350	1320	2900*1050*1500	1920
HNSC150D	150	187	165	206	6HTAA6.5-G23	6	105×124	6.5	41.3	2800*950*1450	1800	3100*1050*1500	2100
HNSC200D	200	250	220	275	6DTAA8.9-G23	6	114×144	8.9	54.2	3000*1100*1520	2100	3600*1400*1800	3150
HNSC250D	250	312	280	350	6ETAA11.8-G22	6	128×153	11.8	62.5	3100*1000*1550	2400	3800*1500*1800	3445
HNSC300D	300	375	330	412	6ETAA12.8-G22	6	130×161	12.8	81.2	3200*1355*1570	3000	3800*1500*1800	4200
HNSC360D	360	450	400	500	6ETAA12.8-G31	6	130×161	12.8	99.1	3315*1100*1650	3200	4600*1800*2250	4400
HNSC400D	400	500	440	550	6ETAA12.8-G310	6	130×161	12.8	102	3500*1390*1750	3600	4600*1800*2250	5550
HNSC450D	450	562	500	625	6KTAA25-G310	6	170×185	25.2	125	3650*1700*1750	4120	4600*1800*2250	6450
HNSC500D	500	625	560	700	6KTAA25-G39	6	170×185	25.2	139	3720*1355*1910	4170	4800*1800*2250	6500
HNSC560D	560	700	600	750	6KTAA25-G38	6	170×185	25.2	154	3720*1540*1910	4170	4800*1800*2250	6500
HNSC600D	600	750	660	825	6KTAA25-G32	6	170×185	25.2	163	4490*2060*2165	6090	5500*2300*2500	8160
HNSC660D	660	825	720	900	6KTAA25-G31	6	170×185	25.2	169	4530*1170*2300	7200	5500*2300*2500	10500
HNSC720D	720	900	800	1000	6KTAA25-G320	6	170×185	25.2	180	4781*1888*2364	8000	5500*2300*2500	12200
HNSC800D	800	1000	900	1125	6KTAA25-G321	6	170×185	25.2	190	4821*2000*2130	7500	5500*2300*2500	11300
HNSC900D	900	1125	1000	1250	6WTAA35-G310	6	186×215	35.1	240.5	4600*1800*2400	7200	20'	11400
HNSC1000D	1000	1250	1100	1375	6WTAA35-G311	6	186×215	35.1	265.3	4600*1800*2400	7200	20'	11400

BẢNG DỮ LIỆU CÔNG SUẤT:

YUCHAI POWER

Model	Prime Power		Standby Power		Engine Type	Engine Data				Open Type Unit		Silent Type Unit	
	Kw	Kva	Kw	Kva		No. Of Cyl	Bore*Stroke	Displacement(Ltr)	100%Load Fuel Cons（L/H）	Dimension (L*W*H)mm	Approx Weight (KG)	Dimension (L*W*H)mm	Approx Weight (KG)
HNYC30D	30	37	33	41	YC4D60-D25	4	102*118	3.86	10.5	2030*883*1253	835	2400*1000*1450	1385
HNYC50D	50	62	55	68	YC4D90Z-D25	4	110*125	4.75	15.3	2100*859*1300	844	2400*1000*1450	1594
HNYC60D	60	75	66	82	YC4A100Z-D25	4	110*125	4.75	17.9	2420*859*1393	1010	2700*1000*1450	1760
HNYC64D	64	80	70	87	YC4A110Z-D20	4	108*132	4.84	19.4	2420*859*1393	1010	2700*1000*1450	1760
HNYC80D	80	100	90	112	YC4A140L-D25	4	110*125	4.75	24.6	2020*982*1393	1200	2700*1000*1450	1950
HNYC100D	100	125	110	137	YC4A180L-D20	4	108*132	4.837	29.9	2360*995*1491	1490	3200*1100*1600	2240
HNYC120D	120	150	130	162	YC6B205L-D20	6	108*125	6.871	34.9	2492*952*1576	1600	3400*1300*1700	2860
HNYC150D	150	187	160	200	YC6A245L-D21	6	108*132	7.255	40.2	2510*1010*1586	1800	3400*1300*1700	3060
HNYC200D	200	250	220	275	YC6MK350L-D20	6	123*145	10.34	57.2	2900*1197*1599	2185	3700*1400*1800	3445
HNYC250D	250	312	280	350	YC6MK420L-D20	6	123*145	10.34	68.6	2974*1197*1614	2460	3900*1450*2050	3860
HNYC300D	300	375	320	400	YC6MJ500L-D21	6	131*145	11.726	80.7	3037*1306*1587	3000	3900*1450*2050	4400

BẢNG DỮ LIỆU CÔNG SUẤT:

YUCHAI POWER

Model	Prime Power		Standby Power		Engine Type	Engine Data				Open Type Unit		Silent Type Unit	
	Kw	Kva	Kw	Kva		No. Of Cyl	Bore*Stroke	Displacement(Ltr)	100%Load Fuel Cons（L/H）	Dimension (L*W*H)mm	Approx Weight (KG)	Dimension (L*W*H)mm	Approx Weight (KG)
HNYC250D	250	312	280	350	YC6MK420L-D20	6	123*145	10.34	68.6	2974*1197*1614	2460	3900*1450*2050	3860
HNYC300D	300	375	320	400	YC6MJ500L-D21	6	131*145	11.726	80.7	3037*1306*1587	3000	3900*1450*2050	4400
HNYC350D	350	437	400	500	YC6T600L-D22	6	145*165	16.35	98.2	3291*1345*1714	3559	3900*1450*2050	5509
HNYC400D	400	500	440	550	YC6T660L-D20	6	145*165	16.35	110.1	3510*1470*1750	3500	4500*1800*2250	5450
HNYC450D	450	562	500	625	YC6TD780-D31	6	152*180	19.6	137	3550*1600*1860	4500	4600*1800*2250	6450
HNYC500D	500	625	550	687	YC6TD840-D31	6	152*180	19.6	144.4	3690*1640*1876	4500	4600*1800*2250	6450
HNYC600D	600	750	660	825	YC6TD1000-D30	6	152*180	19.6	166.6	3950*1839*2019	4700	4800*2100*2500	8500
HNYC650D	650	812	710	887	YC6TH1070-D31	6	175*195	28.14	175	4320*2000*2130	7500	5400*2200*2650	11300
HNYC730D	730	912	800	1000	YC6TH1220-D31	6	175*195	28.14	199	4320*2000*2130	7500	5500*2200*2650	11300
HNYC800D	800	1000	900	1125	YC6TH1320-D31	6	175*195	28.14	215	4320*2000*2130	7500	5500*2200*2650	11300
HNYC900D	900	1125	1000	1250	YC6C1520-D31	6	200*210	39.58	253.3	4923*2153*2244	8700	5500*2200*2650	12900
HNYC1000D	1000	1250	1100	1375	YC6C1660-D30	6	200*210	39.58	276.8	4937*2153*2244	9300	5500*2200*2650	13500

BẢNG DỮ LIỆU CÔNG SUẤT:

WEICHAI 潍柴

Model	Prime Power		Standby Power		Engine Type	Engine Data				Open Type Unit		Silent Type Unit	
	Kw	Kva	Kw	Kva		No. Of Cyl	Bore*Stroke	Displacement(Ltr)	100%Load Fuel Cons（L/H）	Dimension (L*W*H)mm	Approx Weight (KG)	Dimension (L*W*H)mm	Approx Weight (KG)
HNWC16D	16	20	18	22	WP2.3D25E200	4	89*92	2.289	4.2	1500*750*1050	600	2200*1000*1300	1100
HNWC25D	25	31	27	34	WP2.3D33E200	4	89*92	2.289	6.3	1500*750*1050	620	2300*1000*1300	1150
HNWC30D	30	37	33	41	WP2.3D40E200	4	89*92	2.289	9.3	1500*750*1050	700	2300*1000*1300	1250
HNWC36D	36	50	40	55	WP2.3D48E200	4	89*92	2.289	10.8	1850*800*1100	750	2400*1000*1300	1300
HNWC50D	50	62	55	68	WP4.1D66E200	4	105*118	4.087	14.7	1900*870*1180	820	2500*1000*1300	1380
HNWC64D	64	80	70	87	WP4.1D80E200	4	105*118	4.087	18.4	1900*870*1180	830	2500*1000*1300	1400
HNWC80D	80	112	100	125	WP4.1D113E200	4	105*118	4.087	21.8	2050*880*1230	850	2700*1000*1450	1516
HNWC100D	100	125	120	137	WP6D132E200	6	105*130	6.75	28.4	2400*950*1410	1200	3200*1100*1600	2007
HNWC160D	160	187	176	220	WP10D200E200	6	126*130	9.726	39.3	2850*1040*1580	1650	3700*1400*1800	2893
HNWC200D	200	250	220	275	WP10D264E200	6	126*130	9.726	57.5	2850*1050*1620	1850	3700*1400*1800	3140
HNWC250D	250	312	280	343	WP10D320E200	6	126*130	9.726	67.1	3350*1150*1800	2400	4000*1450*2000	3633
HNWC300D	300	375	320	412	WP12D353E200	6	126*155	11.59	79.5	3350*1150*1800	2500	4200*1600*2250	3846
HNWC360D	360	450	396	495	WP13D440E310	6	127*165	12.54	94.7	3350*1150*1800	3200	4200*1600*2250	3878
HNWC400D	400	500	440	550	WP13D490E310	6	127*165	12.54	102	3350*1150*1800	3500	4200*1600*2300	5578
HNWC450D	450	562	510	625	6M33D572E200	6	150*185	19.6	113.7	3800*1600*2200	4700	4500*1800*2450	6986
HNWC500D	500	625	560	687	6M33D633E200	6	150*185	19.6	129	3800*1600*2200	5000	4500*1800*2450	7100
HNWC640D	640	800	720	900	8M33D800E200	8	150*185	26.14	166.6	4100*2000*2250	7100	5500*2300*2500	11100
HNWC728D	728	910	786	982	8M33D890E200	8	150*185	26.14	208.7	4100*2000*2250	7185	5500*2300*2500	11185
HNWC800D	800	1000	864	1080	8M33D975E310	8	150*185	26.14	250.8	4100*2000*2250	7500	5500*2300*2500	11500
HNWC904D	904	1130	976	1220	12M33D1108E200	12	150*185	39.2	255.2	4700*2200*2400	7800	20'	11800
HNWC1000D	1000	1250	1080	1350	12M33D1210E200	12	150*185	39.2	255.2	4700*2200*2400	9000	20'	13000

TRƯỜNG HỢP CÔNG TRÌNH



KHU NGHỈ DƯỠNG



TRUNG TÂM DỮ LIỆU



CỦA TÔI



SÂN BAY



NGÂN HÀNG



DỰ ÁN CHO THUÊ ĐIỆN

TỔNG GIÁM ĐỐC KINH DOANH: JAYDEN
Zalo: +84 867886915
Whatsapp: +84 867886915
Email: haonengpower@gmail.com